

Bản án số: 1097/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2017

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Sâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Vân, kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 346/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2017 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 315/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Hồng D, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: ấp 8, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: đường N, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Hồng D trình bày: Bà Hồ Thị Hồng D và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn

theo giấy chứng nhận kết hôn số 40/P.09, quyền số 01/2010 ngày 31 tháng 3 năm 2010 do Ủy ban nhân dân Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong thời gian chung sống với nhau, giữa bà D và ông T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Ông T thường xuyên kiểm chuyện gây sự rồi đánh đập bà D. Bà D đã nhiều lần trình báo công an và có lập biên bản nhưng ông T vẫn không thay đổi. Vì quá sợ hãi nên bà D và các con đã dọn ra ngoài sinh sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà D yêu cầu ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Hồ Thị Hồng D và ông Nguyễn Văn T có 02 người con chung tên Nguyễn Hồ Hồng Th1, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2010 và Nguyễn Hồ Hồng Th2, sinh ngày 26 tháng 11 năm 2012. Ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hồ Thị Hồng D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án. Đồng thời cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T.

Tại phiên tòa, bà Hồ Thị Hồng D có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt không lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Hồng D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét, bà Hồ Thị Hồng D có đơn yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn T. Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền: Xét, ông Nguyễn Văn T cư trú tại đường N, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 của Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bà Hồ Thị Hồng D khởi kiện ông Nguyễn Văn T tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn T đến Tòa án để làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông Nguyễn Văn T vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T.

[4] Xét, quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Hồng D và ông Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn, có giấy chứng nhận kết hôn số 40/P.09, quyển số 01/2010 ngày 31 tháng 3 năm 2010 do Ủy ban nhân dân Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[5] Xét, bà Hồ Thị Hồng D và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn và để ổn định cuộc sống của mỗi người nên bà Hồ Thị Hồng D yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Đối với ông Nguyễn Văn T trong quá trình giải quyết vụ án; Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến trụ sở Tòa án để làm bản tự khai cũng như hòa giải nhưng ông T vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T, điều này chứng tỏ ông T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị Hồng D ly hôn ông Nguyễn Văn T.

[6] Xét, quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng D và ông Nguyễn Văn T có 02 người con chung tên Nguyễn Hồ Hồng Th1, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2010 và Nguyễn Hồ Hồng Th2, sinh ngày 26 tháng 11 năm 2012. Ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét, bà D hiện đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Đồng thời, ông T không có ý kiến về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị Hồng D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Hồ Hồng Th1, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2010 và Nguyễn Hồ Hồng Th2, sinh ngày 26 tháng 11 năm 2012 cho đến khi các con thành niên là có căn cứ.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hồ Thị Hồng D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Bà Hồ Thị Hồng D phải chịu ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Hồng D ly hôn ông Nguyễn Văn T.
2. Về con chung: Giao bà Hồ Thị Hồng D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Hồ Hồng Th1, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2010 và Nguyễn Hồ Hồng Th2, sinh ngày 26 tháng 11 năm 2012. Hoàn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Nguyễn Văn T do bà Hồ Thị Hồng D không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.
4. Về nợ chung: Không có.
5. Về án phí: Bà Hồ Thị Hồng D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được căn trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0012466 ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Hồ Thị Hồng D và ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- UBND Phường X, quận B;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Tuấn Nhu